

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-12-2022

V/v: Ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh

Phan Thế Hồng M

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa;

2. Ông Nguyễn Tiến Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXX - ST ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1998;

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở hiện nay: Thôn x, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam;

2. Bị đơn: Anh Phan Thế Hồng M, sinh năm 1992;

Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình;

(Chị L và anh M vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2022, bản tự khai đề ngày 26 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Thế Hồng M kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 26 tháng 3 năm 2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 06 tháng, đến tháng 9 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do anh M sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau. Mặc dù hai bên cũng đã trò chuyện cùng nhau để tháo gỡ khúc mắc nhưng tình trạng hôn nhân giữa anh chị ngày một xấu đi. Từ tháng 5 năm 2022, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn x, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam sinh sống. Vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi từ thời điểm đó, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh M không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

1.2 Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 Về chia tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không vay nợ chung ai hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 25 tháng 11 năm 2022, bị đơn là anh Phan Thế Hồng M trình bày:

Bản thân anh không mong muốn vợ chồng phải ly hôn. Nhưng do chị L kiên quyết ly hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh M trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04 tháng 11 năm 2022, ông Trần Văn T (bố đẻ chị L) trình bày:

Sau khi kết hôn, chị L và anh M chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai anh chị đến với nhau chỉ có 4 tháng tìm hiểu trước khi cưới dẫn đến trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra những bất đồng. Anh M không quan tâm, yêu thương chị L. Gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo, động viên để chị L và anh M bỏ qua lỗi lầm cho nhau và

quay về đoàn tụ nhưng mâu thuẫn giữa chị L và anh M vẫn không thể giải quyết được. Chị L đã về sinh sống tại gia đình ông từ tháng 5 năm 2022 đến nay, anh M cũng không tìm gọi chị L quay về. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn anh M, bản thân ông là người làm cha cũng không mong muốn vợ chồng anh chị phải chia ly nhưng chị L và anh M đều đã trưởng thành nên ông tôn trọng quyết định của anh, chị. Ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của chị L, để chị L được ly hôn anh M vì anh chị khó có khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Ông không có đề nghị gì vì vợ chồng chị L, anh M không có con chung.

Về tài sản chung: theo ông được biết, anh chị không có tài sản gì chung. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị L ở chung cùng gia đình anh M, không xây dựng, kiến thiết thêm được gì cho gia đình anh M.

Về nợ chung: Ông T cung cấp anh chị không có khoản vay nợ chung đối với cá nhân hay tổ chức xã hội nào tại địa phương.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 17 tháng 11 năm 2022, bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của anh M) trình bày như sau: Sau khi kết hôn, anh M và chị L chung sống với nhau tại gia đình bà. Vợ chồng hòa thuận được một thời gian rất ngắn, đến tháng 9 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M và chị L không có con chung mặc dù anh chị đã đi khám và điều trị ở nhiều nơi nhưng không có kết quả, hàng ngày cả hai anh chị đều đi làm, công việc bận nên hai bên ít có thời gian gần gũi và quan tâm đến nhau. Từ tháng 5 năm 2022, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và chị L cũng không quay về gia đình bà nữa. Anh M và chị L hiện sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xin ly hôn anh M, bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của chị L.

Về con chung: Anh M và chị L không có con chung nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh M không có tài sản chung do anh chị mới kết hôn với nhau. Chị L, anh M cũng không tạo lập, kiến thiết được tài sản gì cho gia đình bà, anh chị không có khoản vay nợ chung đối với cá nhân hay cơ quan, tổ chức xã hội nào.

Về việc giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh M, bà T trình bày: Các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho anh M, bà đã nhận đầy đủ. Do anh M đi làm tối mới về nhà nên bà đề nghị Tòa án giao các tài liệu, chứng cứ thông qua bà, sau mỗi lần nhận được, bà đều giao lại tận tay ngay cho anh M.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, địa phương cung cấp như sau: Quá trình chung sống giữa chị L và anh M không hạnh phúc do anh chị cưới nhau đã lâu mà không có con chung. Mặc dù đã đi chữa trị ở nhiều nơi nhưng không có kết quả. Vì quá chán nản nên chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại tỉnh H từ tháng 5 năm 2022 đến nay. Vợ chồng mỗi người một nơi. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn anh M, địa phương nhận thấy anh chị khó có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L. Về con chung: Anh M, chị L không có con chung. Về tài sản: Địa phương được biết vợ chồng chị L không có tài sản gì chung; cũng không vay nợ chung cơ quan, tổ chức xã hội nào của địa phương.

Ngoài ra, địa phương còn cung cấp thêm: Anh M, chị L hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh M hiện đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh M tại địa phương.

*** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Phan Thế Hồng M.

+ Về nuôi con chung: Anh chị không có con chung.

+ Về chia tài sản chung: anh M, chị L không yêu cầu giải quyết.

+ Án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phan Thế Hồng M có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình, theo đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[1.2] Chị Trần Thị L và anh Phan Thế Hồng M đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] **Quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị L và anh Phan Thế Hồng M đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 26 tháng 3 năm 2020 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận được một thời gian rất ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Do anh M sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không quan tâm, chia sẻ, yêu thương lẫn nhau. Chị L cũng đã cho anh M cơ hội để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có tiến triển gì. Chị L và anh M sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 5 năm 2022 đến nay. Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù anh M vẫn đang có mặt tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để thể hiện quan điểm, nguyện vọng của anh M. Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh M mới đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L. Điều này chứng tỏ anh M cũng không thiết tha gì với cuộc hôn nhân này và không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Qua xác minh tại UBND xã H và lấy lời khai của người làm chứng cũng thể hiện: Chị L và anh M sống ly thân mỗi người một nơi.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị L và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Phan Thế Hồng M.

[2.2] **Về nuôi con chung:** Anh chị không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] **Về chia tài sản chung:** Chị Trần Thị L và anh Phan Thế Hồng M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Phan Thế Hồng M.

2. Về nuôi con chung: Chị L và anh M không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị L đã nộp tại biên lai số 0001323 ngày 26 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị L và anh Phan Thế Hồng M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình; (ĐKKH số 10/2020 ngày 26/3/2020).
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)